TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12-11-2019
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Mạc Duy Phu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Công Nhận
2. Ông Hoàng Ngọc Thành

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 251/2019/TLST - HNGĐ ngày 28/8/2019 về việc " *Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 21/11/2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1986

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

Địa chỉ: Đội 3, xóm b, thôn C, xã V, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, vắng mặt;

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương,vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T1 đăng ký kết hôn ngày 13/9/2006 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với gia đình nhà anh T1 được thời gian ngắn thì ra ở riêng. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng

hạnh phúc đến tháng 5/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T1 nghe người khác kích bác, xúi bẩy cho rằng chị có người đàn ông khác. Hai vợ chồng xảy ra đánh cãi chửi nhau. Anh T1 đã đập điện thoại của chị và làm đơn ly hôn thông báo cho gia đình chị. Chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh T1 có sang tìm và xin lỗi bố mẹ chị. Hai vợ chồng lại quay về chung sống với nhau nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện, không ai nói chuyện với ai. Tháng 6/2018, anh T1 bỏ nhà đi không nói cho ai biết là đi đâu làm gì. Khoảng tháng 3/2019 anh T1 trở về. Trong thời gian anh T1 bỏ đi không hề thông tin quan tâm đến mẹ con chị. Sau khi trở về, tình cảm vợ chồng cũng không có gì khác trước, không ai nói chuyện với ai, việc của ai người đó làm. Tháng 6/2019, vợ chồng lại đánh cãi nhau nguyên nhân là do chị cho hai con đi du lịch về muộn. Anh T1 có chửi và nhiếc móc gia đình chị. Chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở, không cho chị thăm gặp con. Hai vợ chồng ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Chị và anh T1 có hai con chung là Nguyễn Quang M, sinh ngày 13/12/ 2007; Nguyễn Anh TH, sinh ngày 22/ 9/2011 đang ở với anh T1. Khi ly hôn, chị đồng ý để anh T1 tiếp tục nuôi con, chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con 1.500.000 đồng /tháng.

Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên.

Tại Biên bản lấy lời khai đương sự và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn T1 trình bày: Anh xác định vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu. Nay chị T xin ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí. Khi ly hôn, anh đề nghị nuôi cả hai con và tự nguyện không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.Về tài sản chung, nợ chung, công sức đối với gia đình hai bên không có, không yêu cầu giải quyết. Anh đề nghị giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt, Hội đồng xét xử công bố lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1;

- Giao hai con chung Nguyễn Quang M, sinh ngày 13/12/ 2007; Nguyễn Anh TH, sinh ngày 22/ 9/2011 cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T1 không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở;

- Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị T, anh TH đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 có đăng ký kết hôn ngày 13/9/2006 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Luật hôn nhân gia đình là hôn nhân hợp pháp. Anh T1, chị T đều xác nhận quan hệ vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra xô sát, đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Chị T xin ly hôn anh TH đồng ý. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình giải quyết cho chị T được ly hôn với anh T1 là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Chị T, anh T1 thống nhất để anh T1 tiếp tục nuôi hai con, sự tự nguyện của hai anh chị không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của hai con chung được ghi nhận. Anh T1 tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con. Tuy nhiên để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu M, cháu TH cần ghi nhận sự tự nguyện của chị T cấp dưỡng tiền nuôi con cùng với anh T1 mỗi con là 1.500.000 đồng/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp đối với gia đình hai bên: Chị T, anh T1 không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

[5] Về án phí: Chị T phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn và án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và Gia đình; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147, điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

2. Về quan hệ con chung: Giao hai con chung Nguyễn Quang M, sinh ngày 13/12/ 2007; Nguyễn Anh TH, sinh ngày 22/ 9/2011 cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con là 1.500.000 đồng/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu người phải thi hành án chưa thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh chậm trả được thực hiện theo khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0005637 ngày 28 tháng 8 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Chị T còn phải nộp tiếp 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

4. Quyền kháng cáo**:** Chị T, anh T1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đ- ơng sự,
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà,
- Chi cục Thi hành án huyện Thanh Hà (khi bản án có hiệu lực pháp luật)
- Ủy ban nhân dân xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương (khi bản án có hiệu lực pháp luật)
- L- u hồ sơ,
- Lưu tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mạc Duy Phu